

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Ngày 30/09/2025	9,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	20.8%	20.8%	19.7%

DT thuần Q3/25
423
tỷ VNĐ
QoQ: ▼34.0 -7.5%
YoY: ▼86.0 -16.9%

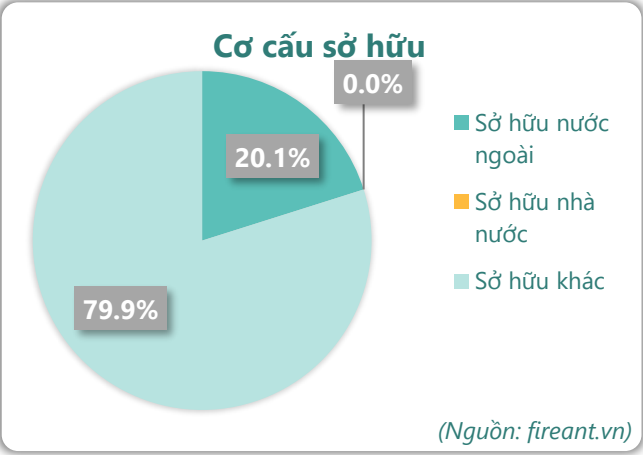
LN thuần Q3/25
6.44
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.69 268%
YoY: ▼8.16 -55.9%

LN sau thuế Q3/25
8.00
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.28 115%
YoY: ▼5.70 -41.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.5%
YoY: +/-▲ 0.9%

ROE (TTM) Q3/25
3.1%
YoY: +/-▼ 0.6%

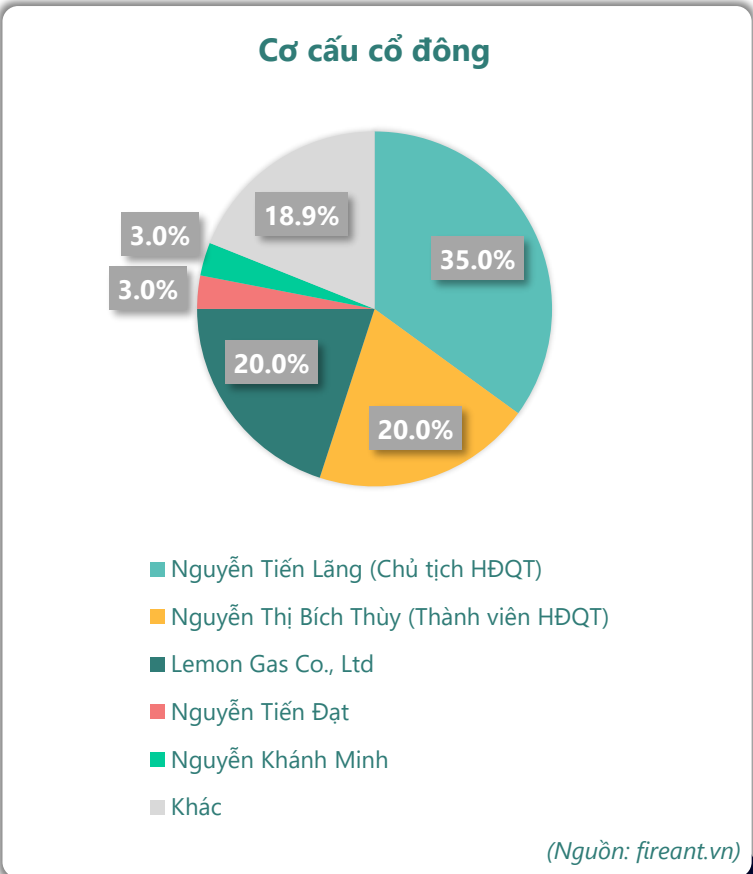
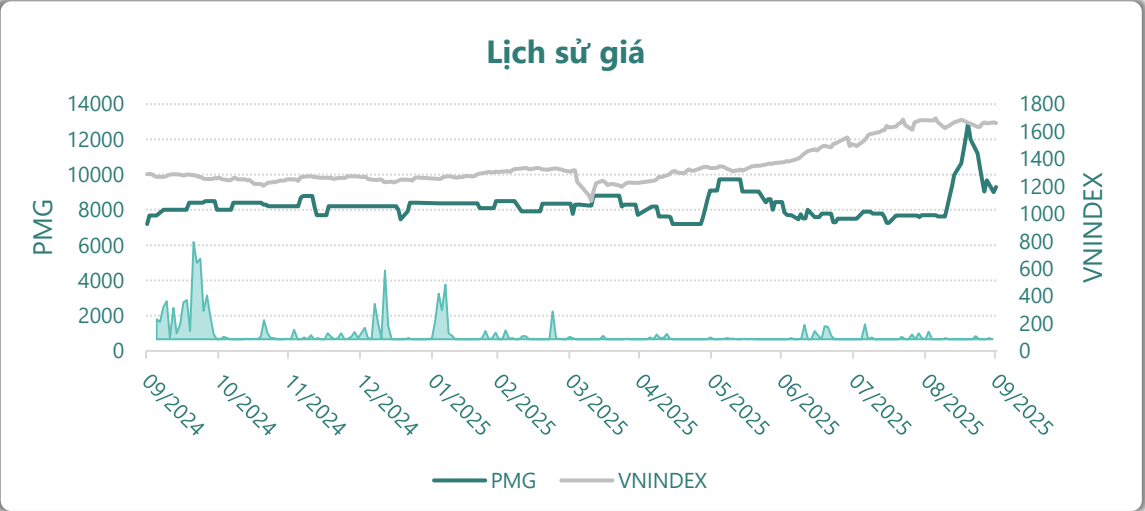
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,200 - 12,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	431
Số lượng CPLH (CP)	46,336,278
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,060
Sở hữu nước ngoài	20.1%
Beta	0.19
EPS	444
P/E	20.9



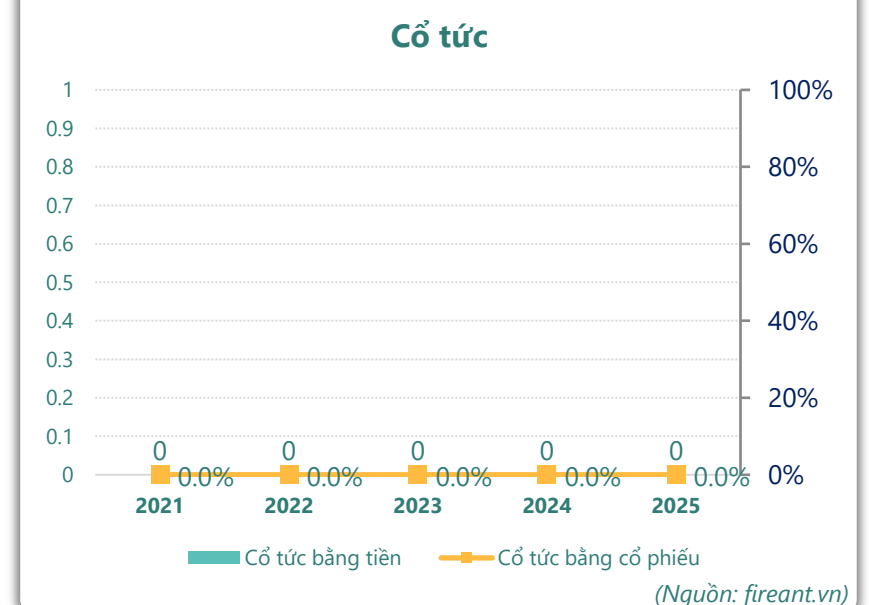
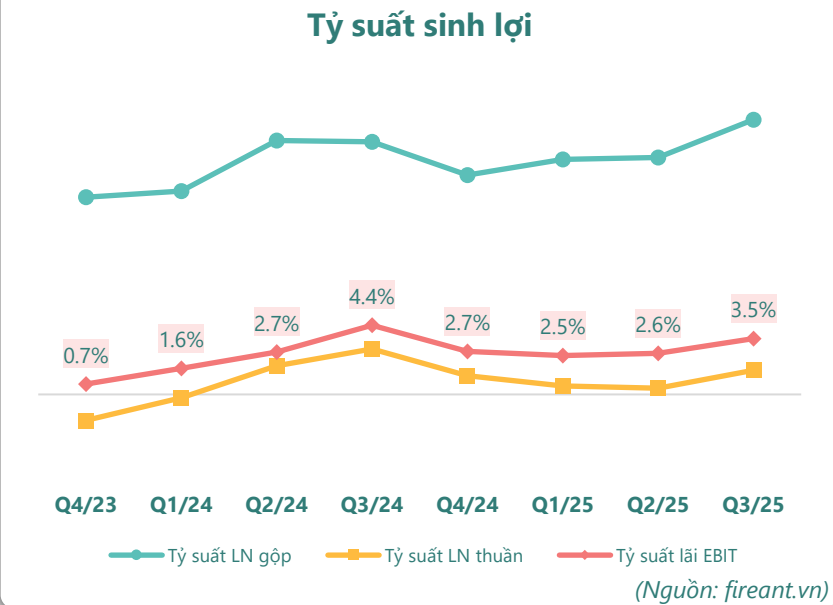
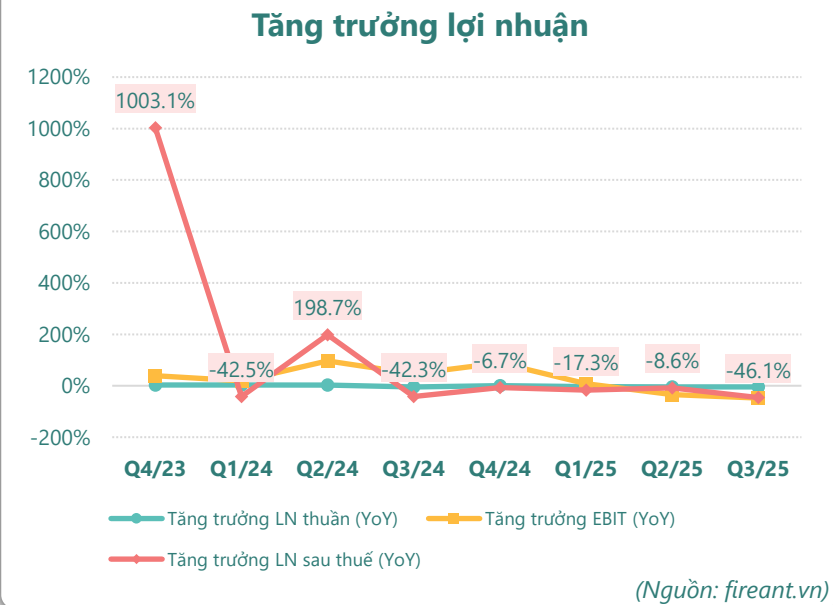
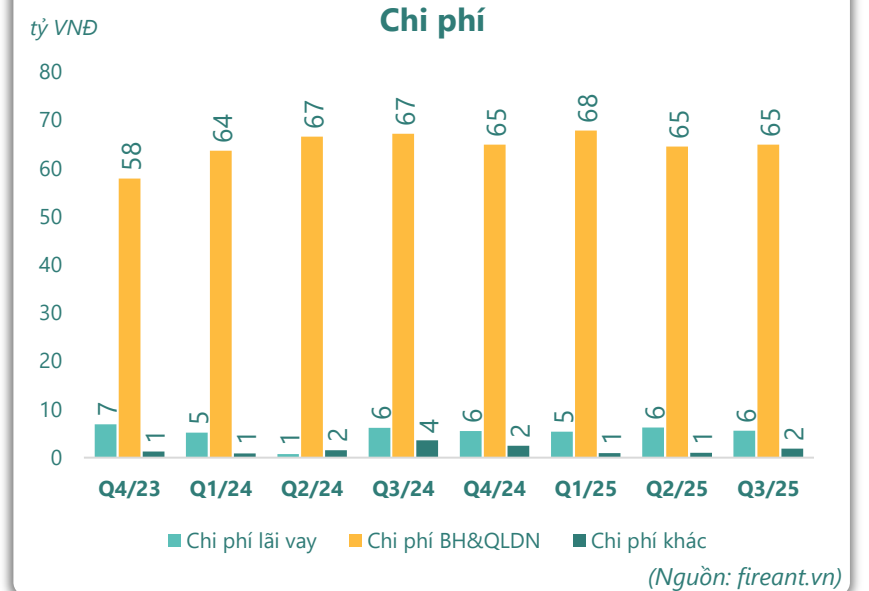
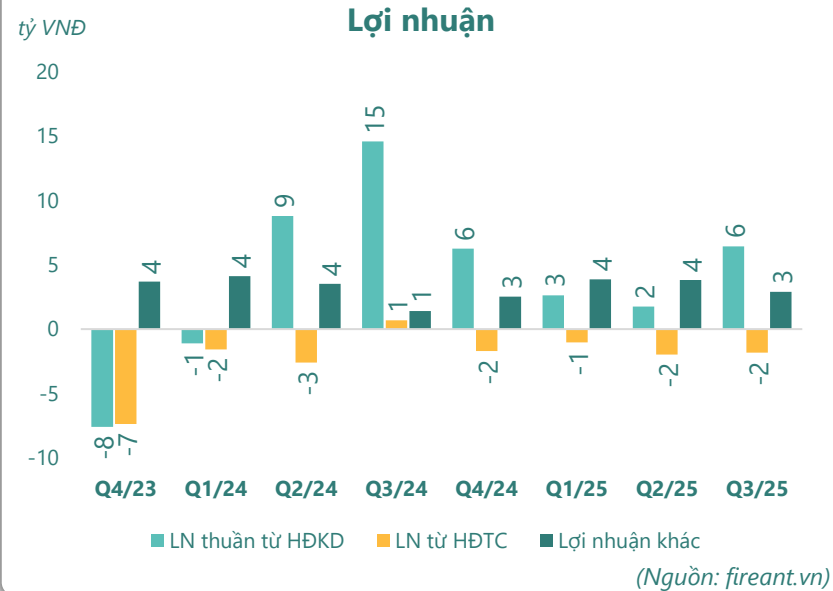
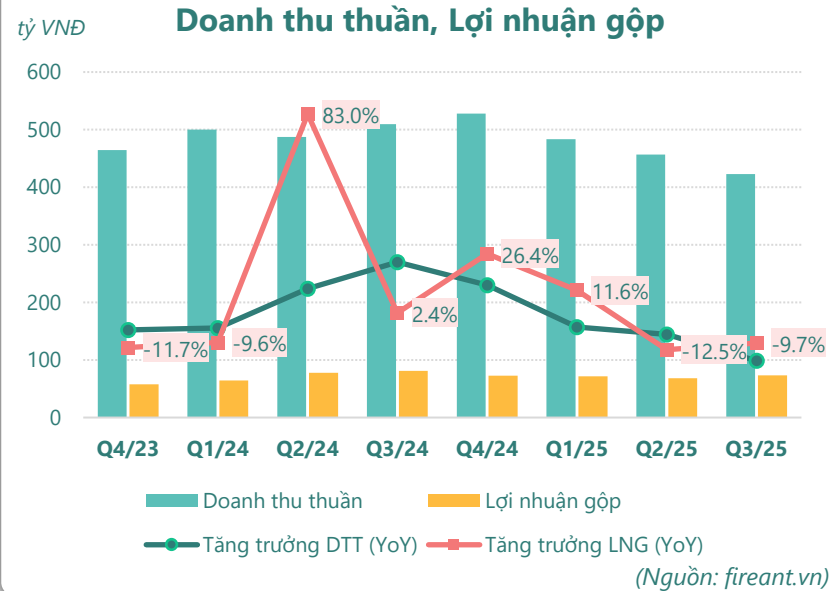
DT thuần 9T 2025
1,363
tỷ VNĐ
YoY: ▼134 -9.0%

LN thuần 9T 2025
10.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.5 -51.4%

LN sau thuế 9T 2025
16.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.90 -34.9%



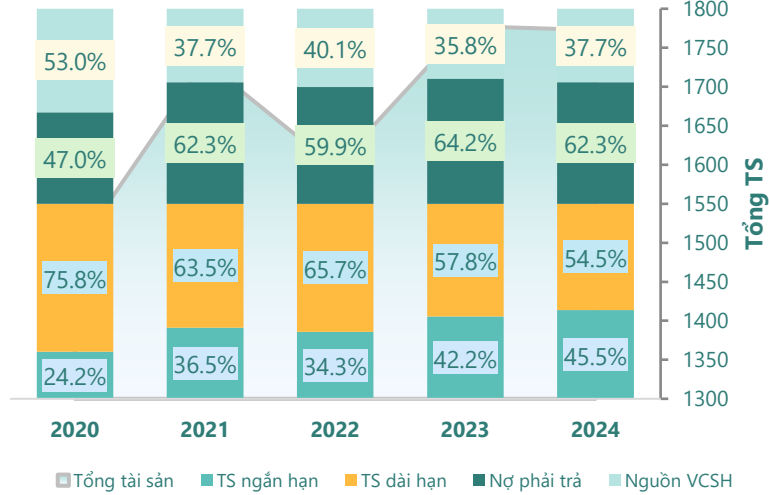
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

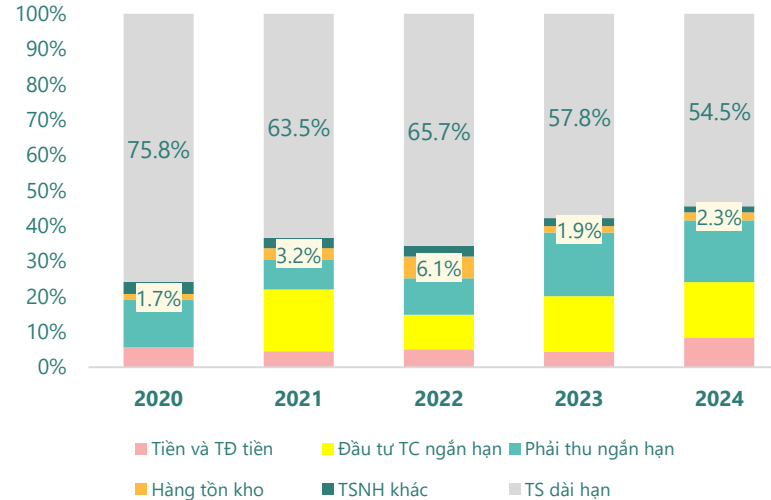
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

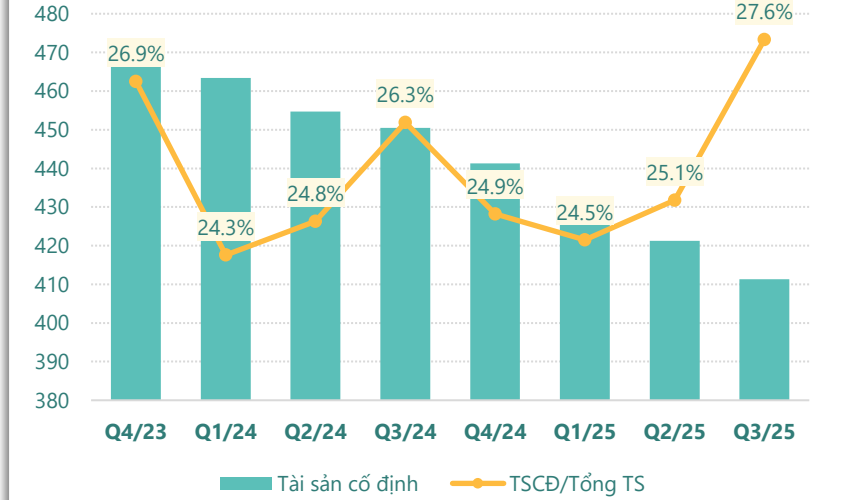
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

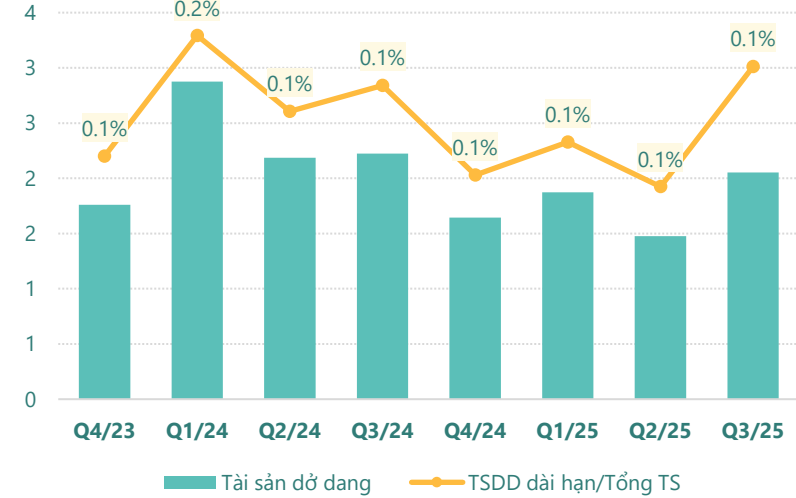
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

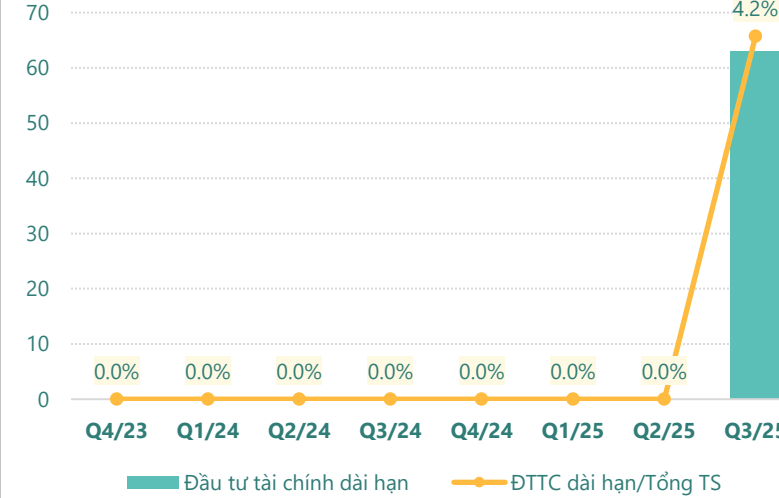
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

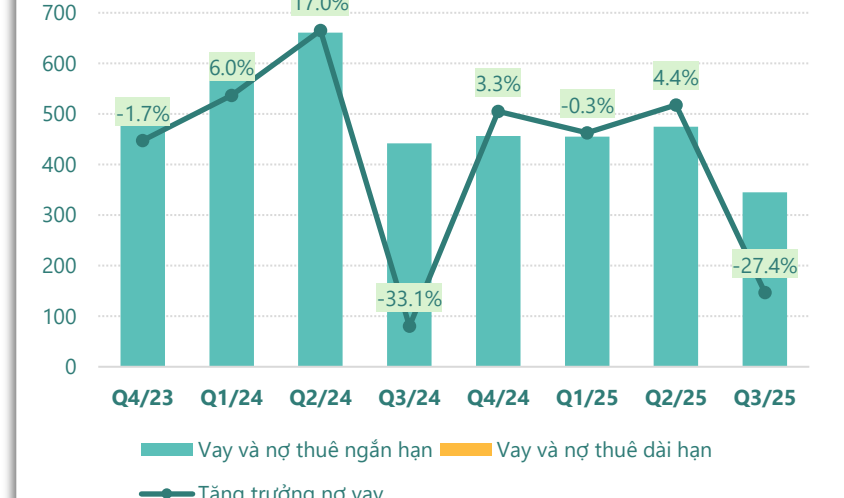
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

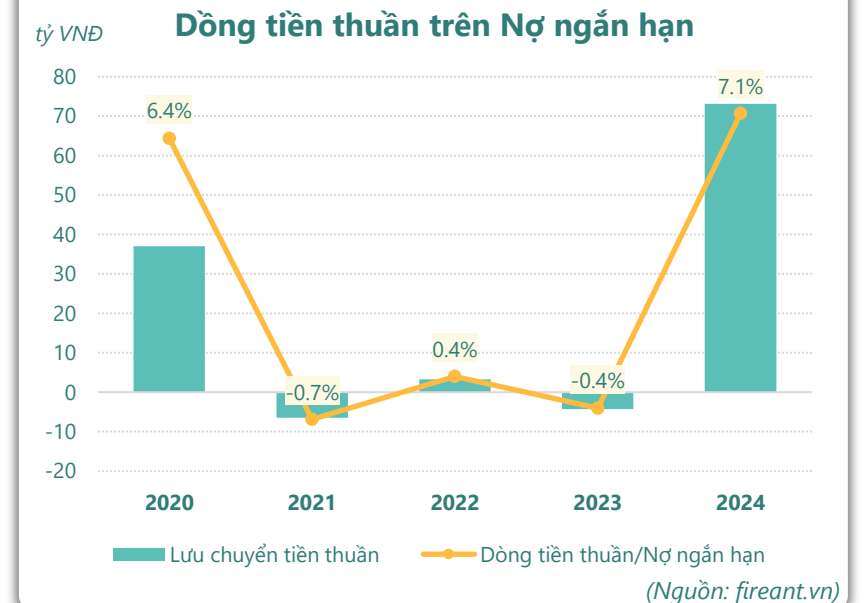
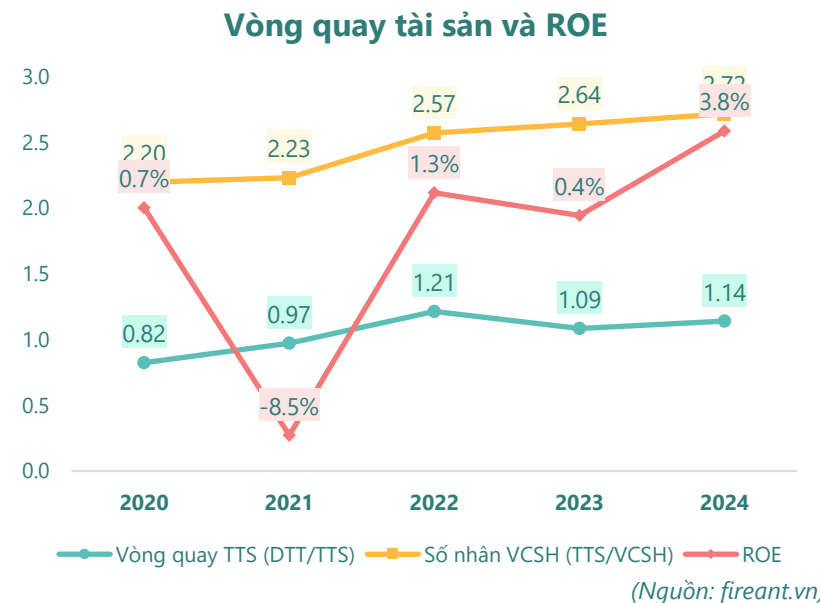
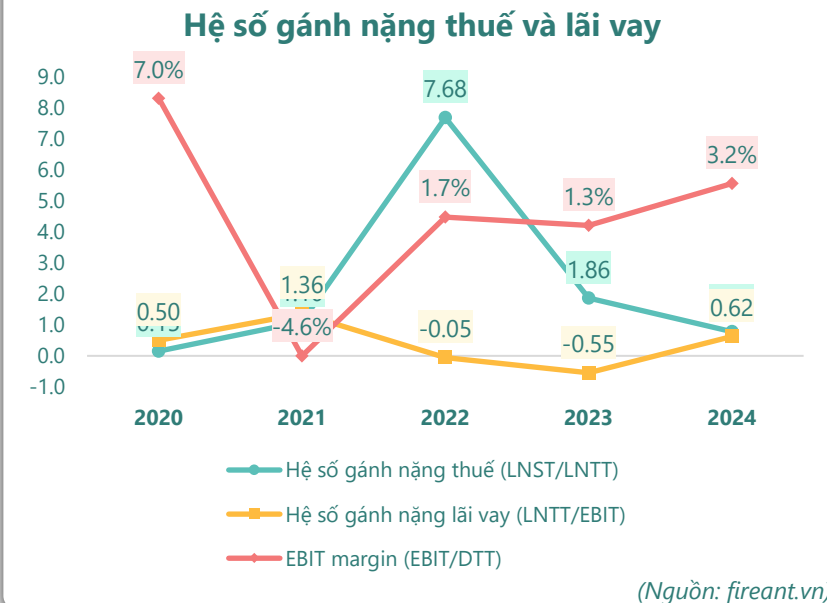
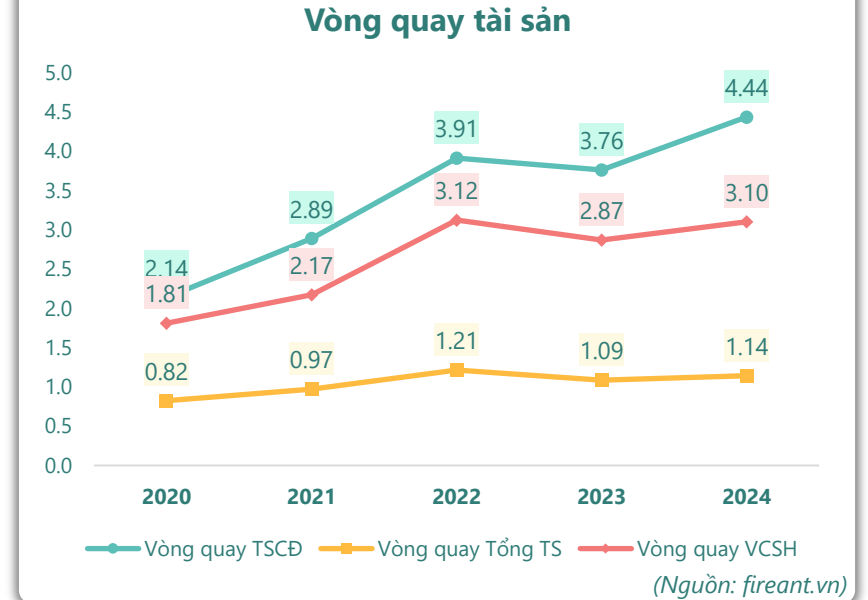
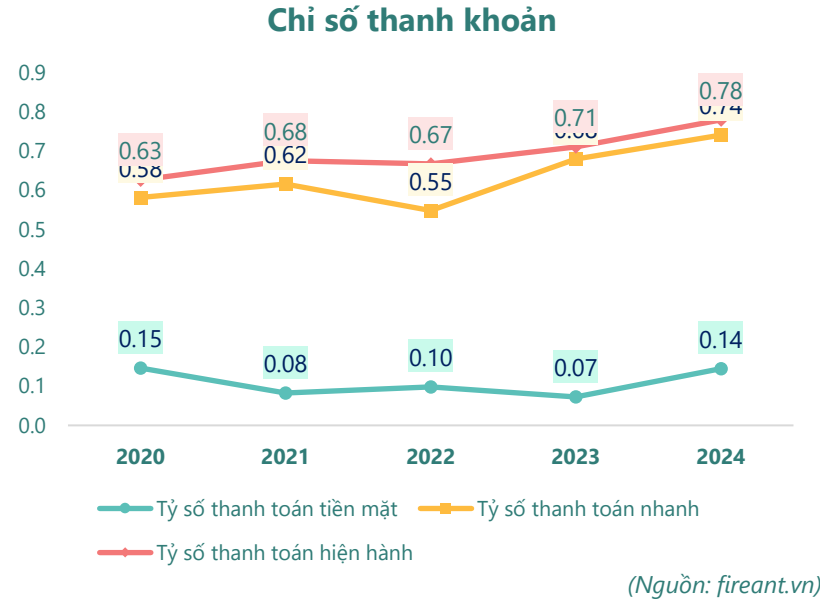
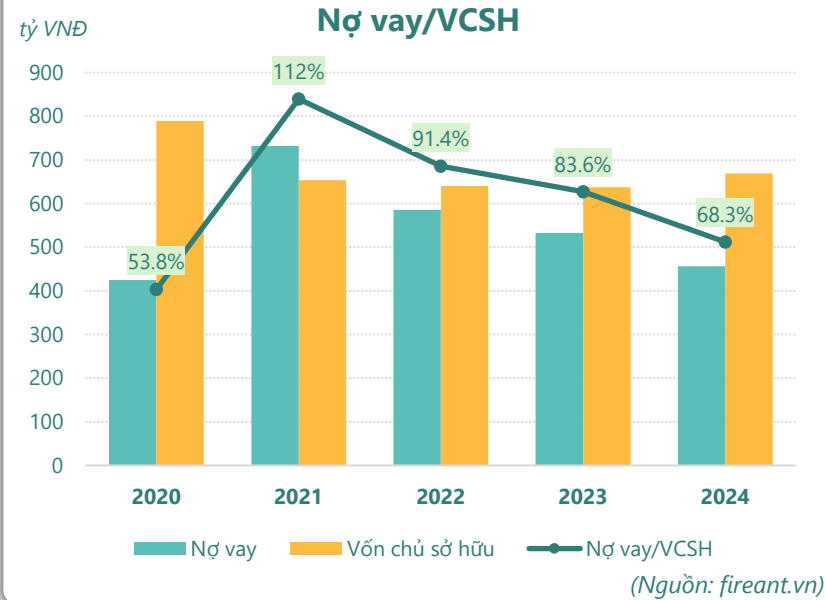
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	423	509	-16.9%	1,363	1,497	-9.0%
Giá vốn hàng bán	350	428	-18.3%	1,150	1,273	-9.7%
Lợi nhuận gộp	73.2	81.1	-9.7%	213	223	-4.6%
Doanh thu HĐTC	3.75	6.93	-45.9%	12.4	15.2	-18.7%
Chi phí TC	5.59	6.26	-10.7%	17.2	18.7	-8.0%
Chi phí lãi vay	5.57	6.21	-10.3%	17.2	12.1	41.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	53.3	56.8	-6.2%	165	167	-1.3%
Chi phí QLDN	11.6	10.4	11.9%	32.5	30.5	6.5%
LN thuần từ HĐKD	6.44	14.6	-55.9%	10.8	22.3	-51.4%
Lợi nhuận khác	2.91	1.40	108%	10.6	9.04	17.3%
LN trước thuế	9.35	16.0	-41.6%	21.4	31.3	-31.6%
Lợi nhuận sau thuế	8.00	13.7	-41.6%	16.5	25.4	-34.9%
LNST của CĐ cty mẹ	5.42	9.31	-41.8%	15.6	19.8	-21.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-78.6	122	62.7	-24.5	-64.4	11.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	40.1	-24.0	10.8	-74.0	31.6	105
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	96.1	-219	14.5	-1.51	19.9	-130
Tiền đầu kỳ	127	185	63.7	150	49.7	36.8
Lưu chuyển tiền thuần	57.6	-121	88.0	-100	-12.9	-13.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	185	63.7	152	49.7	36.8	23.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,490	1,773	-15.9%
Tài sản ngắn hạn	510	807	-36.8%
Tiền và tương đương tiền	23.4	150	-84.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	141	277	-49.1%
Phải thu ngắn hạn	266	310	-14.0%
Hàng tồn kho	55.2	40.1	37.6%
Tài sản ngắn hạn khác	23.5	29.4	-20.2%
Tài sản dài hạn	981	966	1.5%
Phải thu dài hạn	18.1	20.0	-9.6%
Tài sản cố định	411	441	-6.8%
Bất động sản đầu tư	115	94.1	22.5%
Tài sản dở dang	2.05	1.64	24.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	63.0	0	
Tài sản dài hạn khác	370	408	-9.3%
Lợi thế thương mại	0.80	1.20	-33.3%
Nợ phải trả	805	1,104	-27.1%
Nợ ngắn hạn	746	1,035	-27.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	345	457	-24.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	385	557	-30.9%
Nợ dài hạn	59.0	69.1	-14.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	685	669	2.5%
Vốn chủ sở hữu	685	669	2.5%
Vốn điều lệ	463	463	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

